

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu thủy sản và đầu tư công với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

MSN, VPB

## [Cập nhật công ty]

NT2

## [Quan điểm đầu tư]

ĐĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+-15)

06/12/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,126.43	+0.94
VN30	1,109.27	+0.80
HĐTL VN30F1M	1,111.10	+1.10
HNXIndex	233.63	+0.99
HNX30	507.75	+1.92
UPCoM	86.31	+0.34
USD/VND	24,280	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.35	+2
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+5
Dầu (WTI, \$)	72.33	+0.01
Vàng (LME, \$)	2,026.61	+0.36



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,126.43 (+0.94%)  
**KLGD (triệu CP)** 776.8 (+10.1%)  
**GTGD (triệu U\$)** 742.6 (+5.4%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu thủy sản và đầu tư công với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 550,04 tỷ đồng, tập trung tại VHM (-0.12%), VND (+0.89%), FUEVFVND (+0.63%).

**HNXIndex** 233.63 (+0.99%)  
**KLGD (triệu CP)** 100.8 (+6.8%)  
**GTGD (triệu U\$)** 82.8 (-0.6%)

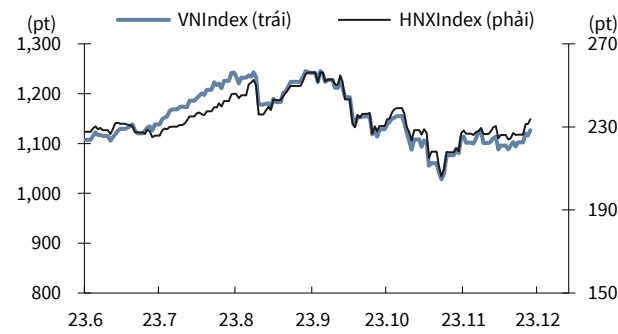
Giá thép giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải tăng 20 nhân dân tệ lên mức 3,923 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h40 ngày 6/12 (theo giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở HPG(+1.28%), HSG(+1.79%).

**UPCoM** 86.31 (+0.34%)  
**KLGD (triệu CP)** 31.3 (-31.2%)  
**GTGD (triệu U\$)** 17.5 (-19.3%)

Giá gas hôm nay (6/12) giảm 0.15% xuống mức 2.69 USD/mmBTU đối với hợp đồng khí gas tự nhiên giao tháng 1/2024 vào lúc 9h30 (giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở BSR(-0.51%), PVB(-0.88%).

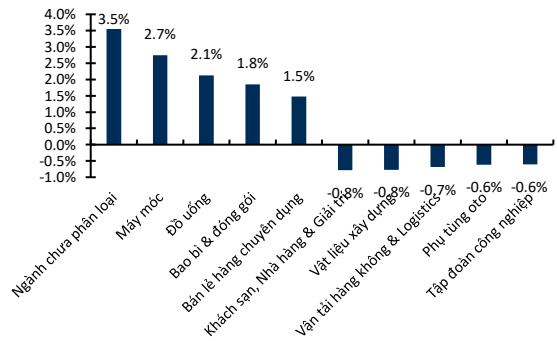
**NĐTNN mua ròng (triệu U\$)** -23.3

VNIndex & HNXIndex



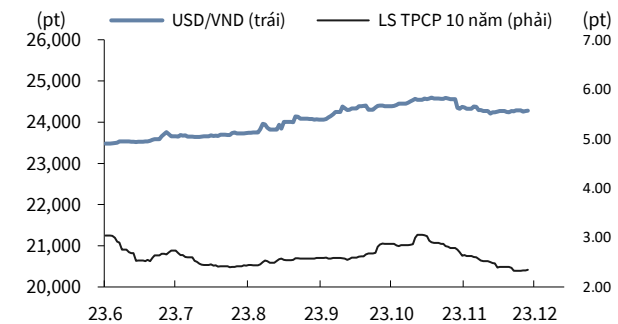
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

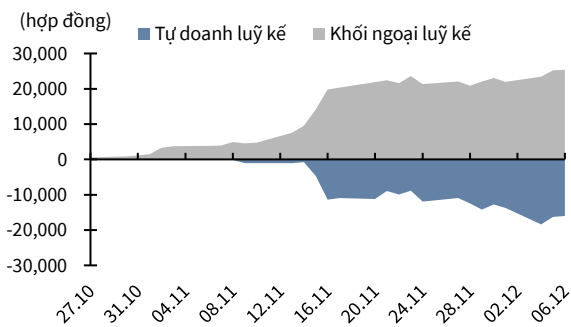
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,109.27 (+0.80%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,111.1 (+1.10%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,103.2</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,111.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,101.2</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>186,287 (-14.6%)</b>

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa tại 3.08 điểm, sau đó biến động quanh mức 1.14 điểm toàn phiên, đóng cửa tại 1.83 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

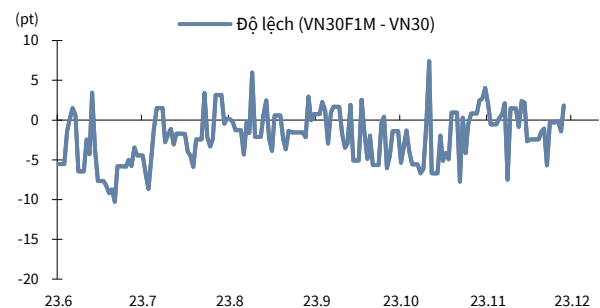
Khối ngoại mua ròng 172 HĐTL VN30F2312 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 25,387 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 247 hợp đồng tuy nhiên đang duy trì vị thế bán lũy kế 16,048 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



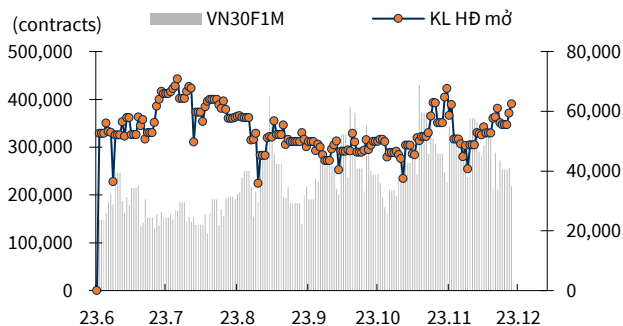
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



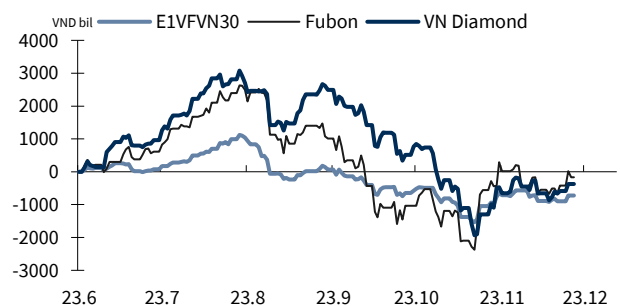
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

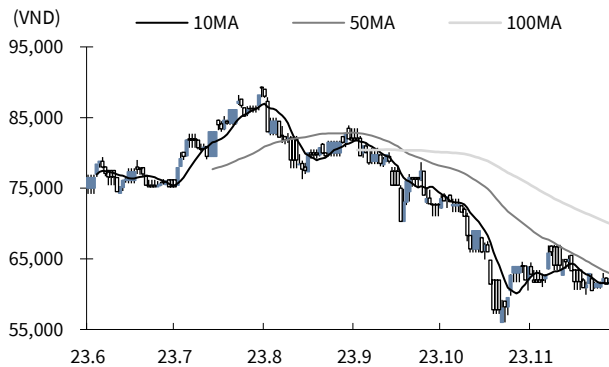
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## CTCP Tập đoàn MaSan (MSN)

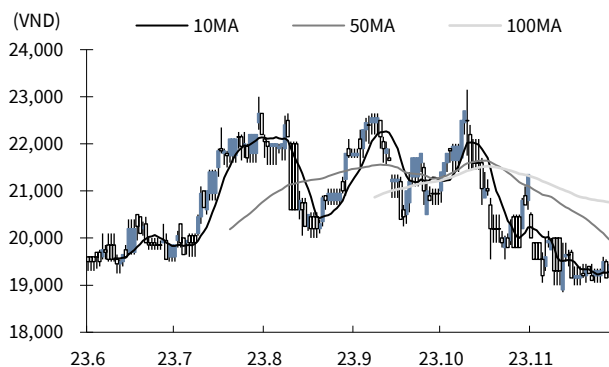


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN tăng 1.14% lên 62,100 VND/cp

- Ngày 6/12/2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan công bố, Bain Capital - Quỹ đầu tư tư nhân hàng đầu thế giới với tổng tài sản quản lý xấp xỉ 180 tỷ USD đã đồng ý gia tăng thêm 50 triệu USD vào khoản đầu tư vốn cổ phần của Masan Group, nâng mức đầu tư lên 250 triệu USD so với mức 200 triệu USD đã công bố vào tháng 10 năm 2023.

## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB tăng 1.31% lên 19,400 VND/cp

- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM ngày 5/12 có công văn chấp thuận thay đổi niêm yết bổ sung gần 1.2 tỷ cổ phiếu VPB của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng vào ngày 6/12. Vốn điều lệ tại ngân hàng này qua đó sẽ được nâng từ 67,434 tỷ đồng lên mức 79,339 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu cũng được nâng từ mức 103,500 tỷ đồng lên gần 140,000 tỷ đồng.

# CTCP Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

## Kỳ vọng phục hồi trong năm 2024

06/12/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận  
 thuannnd@kbsec.com.vn

### Doanh thu và lợi nhuận 3Q2023 giảm mạnh so với cùng kỳ

Doanh thu 3Q2023 của NT2 đạt 816 tỷ VND (-62.3% yoy). LNST ghi nhận lỗ 123.77 tỷ VND. KQKD Quý 3/2023 suy giảm mạnh so với cùng kỳ do NT2 bắt đầu đại tu nhà máy từ 7/9 đến 31/10 khiến phải dừng tổ máy gây ảnh hưởng nhiều đến sản lượng điện đầu ra trong kỳ.

### NT2 hưởng lợi từ El Nino tiếp diễn trong 2024

Theo dự báo của Viện Nghiên cứu Quốc tế về Xã hội và Khí hậu (IRI), El Nino có xác suất cao sẽ diễn ra trong năm 2024 trước khi chuyển sang pha trung tính. Điều này đồng nghĩa với nền nhiệt cao hơn, thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ điện. Bên cạnh đó, El Nino tiếp diễn còn ảnh hưởng đến đến lượng mưa và mực nước của các hồ thủy điện, vì vậy huy động cho thủy điện sẽ giảm đi mở ra dư địa cho các nhà máy phát điện khác.

### NT2 đã trải qua giai đoạn khó khăn và kỳ vọng phục hồi vào năm 2024

NT2 kỳ vọng vượt qua giai đoạn khó khăn trong Q3/2023 và bước vào phục hồi trong 2024 khi (1) Nhà máy đã hoàn thành đại tu và sẵn sàng cho huy động trở lại (2) LNG nhập khẩu dự kiến sẽ có mặt tại thị trường trong năm 2024 thông qua kho cảng LNG Thị Vải – Giai đoạn 1, giảm đáng kể nguy cơ thiếu khí khi các mỏ khí trong nước dần cạn kiệt (3) Hưởng lợi từ El Nino tiếp diễn thúc nhu cầu điện tăng và mở ra dư địa huy động nhiều hơn cho các nhà máy nhiệt điện.

### Khuyến nghị NẮM GIỮ với giá mục tiêu 27,700 VNĐ/cổ phiếu

Dựa trên định giá FCF và EV/EBITDA, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị NẮM GIỮ đối với cổ phiếu NT2. Giá mục tiêu là 27,700 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 11% so với giá tại ngày 06/12/2023.

## NẮM GIỮ DUY TRÌ

Giá mục tiêu	VND 27,700
Tăng/giảm (%)	11%
Giá hiện tại (06/12/2023)	VND 24,900
Giá mục tiêu thị trường	VND 28,400
Vốn hóa (tỷ VND)	6,880

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	30%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	15.7
Sở hữu nước ngoài (%)	15%
Cổ đông lớn	PV Power (59.4%)

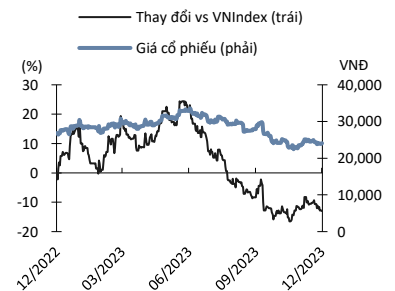
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2.6	-13.8	-26.9	-9.6
Tương đối	-0.7	-5.1	-28.3	-11.1

### Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	6,150	8,788	6,836	8,580
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	559	957	413	714
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	534	883	474	771
EPS (VND)	1,756	2,992	1,648	2,679
Thay đổi EPS (%)	-16.2	70.4	-44.9	62.6
P/E (x)	14.4	9.7	17.1	10.5
P/B (x)	1.2	1.8	1.7	1.6
ROE (%)	13%	19%	10%	15%
Tỷ suất cổ tức (%)	12%	6%	4%	7%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm với biên độ mở rộng dần về cuối phiên.
- Đà tăng điểm được duy trì ổn định trong suốt phiên giao dịch và lực cầu hấp thụ tốt lượng chứng khoán hàng về từ phiên giao dịch bùng nổ ngày hôm kia, cho thấy tâm lý giao dịch hưng phấn của phe mua. Mặc dù vậy, sự vận động của dòng tiền có sự phân hóa giữa các nhóm ngành và đang có phần ưu tiên nhóm cổ phiếu midcap và smallcap hơn, bỏ ngỏ khả năng dòng tiền trading T+ tìm kiếm lợi nhuận ngắn hạn. Nhiều khả năng chỉ số vẫn có thể duy trì đà hồi phục lên vùng đích kỳ vọng được đặt tại 1150 (+15) trước khi gặp áp lực điều chỉnh đáng kể.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1080 (+15)

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1135 - 1138

Kháng cự gần: 1116 - 1120

Hỗ trợ gần: 1090 - 1095

Hỗ trợ xa: 1068 - 1073

— F1 tăng điểm với biên độ mở rộng dần về cuối phiên

— Đà tăng điểm được duy trì ổn định trong suốt phiên giao dịch và lực cầu cho thấy sự áp đảo trước phe mua, giúp cho F1 đóng cửa trên ngưỡng MA20 ngày và đưa trạng thái thị trường trở nên tích cực hơn. Nhiều khả năng chỉ số vẫn có thể duy trì đà hồi phục lên vùng đích kỳ vọng được đặt tại 1150 (+15) trước khi gặp áp lực điều chỉnh đáng kể.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

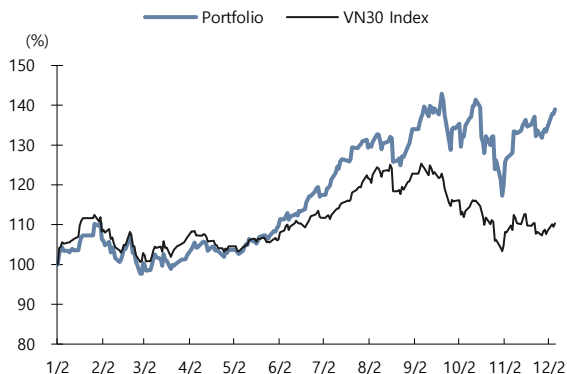
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.80%	0.87%
Tăng lũy kế (YTD)	10.35%	38.97%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/12/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	33,600	0.9%	23.8%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	80,100	0.1%	11.3%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Kinh Bắc (KBC)	10/02/2023	33,050	0.6%	2.3%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,800	3.3%	25.0%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	22,300	0.7%	3.2%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nhon Trach 2 (NT2)	11/01/2023	24,900	0.0%	9.0%	- Kỳ vọng điện khí khả quan hơn từ 4Q2023 khi A0 tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023
Hoa Sen Group (HSG)	11/01/2023	22,700	1.8%	28.2%	- Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ đã đẩy hết lượng hàng tồn kho giá cao - Cơ cấu tài chính an toàn
Vietinbank (CTG)	11/01/2023	26,650	0.6%	8.7%	- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá
FPT (FPT)	11/01/2023	95,000	0.2%	11.2%	- Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực
Vinamilk (VNM)	11/01/2023	68,500	0.6%	-2.7%	- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHC	6.9%	30.2%	103.6
SSI	0.9%	43.4%	27.2
HPG	1.3%	25.1%	25.1
DGC	0.7%	18.8%	24.4
ASM	6.9%	1.9%	16.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-0.1%	23.2%	-244.4
VND	0.9%	23.5%	-85.6
FUEVFNVD	0.6%	96.9%	-76.0
VNM	0.6%	54.6%	-52.1
STB	1.1%	24.0%	-45.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.5%	21.8%	19.3
IDC	0.8%	1.6%	4.3
VCS	0.0%	2.8%	0.1
EVS	1.1%	0.5%	0.1
PVG	0.0%	5.5%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	1.6%	14.4%	-14.4
CEO	3.5%	4.6%	-13.7
TNG	3.7%	20.0%	-2.1
DTD	1.6%	0.2%	-0.2
TIG	5.6%	11.7%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	6.4%	VGC, BMP, SHI, DAG
Chứng khoán	6.3%	SSI, VND, HCM, VCI
Tiện ích điện	5.1%	PGV, NT2, PPC, TTA
Máy móc	5.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Vật liệu xây dựng	4.7%	HT1, PTB, GAB, ACC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Vận tải hàng không & Logistics	-2.7%	TMS, SCS, STG, ASG
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-1.4%	TLG, ILB, APC, ST8
Đồ uống	-1.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng không dân dụng	-0.9%	VJC, HVN
Giấy & lâm sản	0.1%	DHC, HAP, HHP, VID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	19.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Xây dựng và kỹ thuật	16.7%	DIG, HDG, VCG, PC1
Sản phẩm xây dựng	15.3%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	14.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Hàng hải	12.7%	VSC, VOS, SKG, VTO

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-5.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Giấy & lâm sản	-2.5%	DHC, HAP, HHP, VID
Dược	-1.1%	DHG, IMP, TRA, DBD
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-1.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Vận tải hàng không & Logistics	-0.8%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	176,551 (7.3)	22.5	37.0	254.0	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	0.0	0.6	1.7	-20.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	308,189 (12.7)	26.6	4.6	4.7	35.9	22.5	18.8	1.0	0.9	-0.1	-1.8	-1.3	-15.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	98,978 (4.1)	17.8	12.2	11.9	-7.6	12.1	11.2	1.4	1.3	0.2	-1.3	-4.6	-12.9
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	568,746 (23.4)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	-	-	0.5	1.1	23.6	30.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	54,930 (2.3)	11.6	24.5	22.7	13.7	9.1	10.5	1.8	1.8	-0.2	1.6	7.7	33.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	443,689 (18.3)	13.9	55.5	45.6	-	2.5	3.1	1.4	1.3	0.9	7.0	16.7	67.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	92,555 (3.8)	6.3	15.7	13.3	11.7	21.2	19.8	2.8	2.2	0.6	0.9	-4.0	26.8
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	35,561 (1.5)	12.7	11.7	9.2	-5.3	17.9	19.3	1.9	1.6	0.9	1.8	7.8	16.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	100,121 (4.1)	0.0	5.8	5.0	14.3	14.9	15.3	0.8	0.7	1.2	1.7	-1.9	17.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	86,426 (3.6)	1.4	7.8	6.4	50.3	15.8	17.3	1.1	1.0	0.6	1.3	4.3	9.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	200,184 (8.2)	0.0	11.9	9.0	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	1.3	0.8	-6.7	8.4
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	154,167 (6.3)	0.0	4.7	4.1	14.6	24.5	23.1	1.0	0.8	0.3	1.4	0.8	21.7
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	146,918 (6.0)	4.2	6.1	4.7	23.3	21.4	23.0	1.2	1.0	0.8	3.0	1.9	34.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	480,269 (19.8)	14.0	9.5	5.1	26.5	16.7	21.6	1.2	1.0	1.1	1.1	-4.6	24.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	106,745 (4.4)	0.0	7.1	6.2	37.4	16.6	17.4	1.1	1.0	2.3	3.6	5.1	15.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	187,275 (7.7)	0.2	-	-	27.3	7.7	11.4	-	-	1.9	4.4	5.0	-4.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,529 (0.5)	21.0	16.5	16.3	15.8	8.7	8.4	1.4	1.3	0.6	0.9	-1.6	-14.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,818 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.2	0.0	-2.5	9.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	748,419 (30.8)	55.4	23.9	21.5	-3.2	9.1	8.8	2.2	2.2	0.9	6.3	15.9	89.8
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	313,783 (12.9)	71.9	37.6	27.1	-4.0	7.9	10.8	3.0	2.9	0.9	5.1	13.7	89.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	161,831 (6.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	2.4	7.5	15.0	57.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	581,967 (24.0)	27.2	19.9	19.6	36.3	9.3	9.3	1.9	1.8	0.9	8.1	21.7	68.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	152,784 (6.3)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.1	30.1	4.6	4.3	0.6	0.1	-3.5	-10.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	42,883 (1.8)	36.9	18.6	17.5	7.3	18.8	21.5	3.5	3.8	1.9	-1.5	-1.5	-21.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	106,487 (4.4)	16.5	68.9	27.7	-51.9	3.9	11.7	3.3	3.0	1.1	-1.3	-3.0	-33.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	7,465 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-	2.6	2.3	12.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	95,368 (3.9)	11.0	59.3	23.7	-88.5	5.4	13.7	3.7	3.2	0.7	-0.9	-1.4	-3.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	73,207 (3.0)	10.8	11.1	19.0	-57.0	31.3	13.4	2.5	2.3	0.4	0.7	6.8	55.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	172,987 (7.1)	38.4	36.0	23.0	65.7	2.4	3.8	-	-	2.5	5.8	10.7	40.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	475,221 (19.6)	37.7	33.9	28.5	-14.4	5.1	8.9	1.6	1.6	1.7	9.4	20.7	93.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	130,110 (5.4)	3.6	27.7	28.5	-52.4	2.7	2.7	0.8	0.8	2.0	6.1	11.9	166.3
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	17,721 (0.7)	0.0	9.9	9.1	-4.5	13.2	13.0	1.3	1.2	-0.8	2.1	6.1	-5.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	42,569 (1.8)	46.1	15.9	16.5	-17.5	19.1	18.1	2.9	2.7	1.0	2.6	1.0	-5.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,890 (0.5)	31.4	18.2	12.8	-10.5	9.0	14.6	1.7	1.6	0.0	3.3	4.6	-13.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,338 (0.1)	34.1	13.3	7.0	-5.1	7.4	13.1	-	-	0.3	8.0	14.3	17.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	675,209 (27.8)	18.0	25.8	13.1	21.9	6.2	10.9	1.6	1.4	1.3	2.2	7.2	53.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	70,795 (2.9)	36.5	17.8	16.1	-0.5	6.4	7.8	1.1	1.1	1.2	4.3	6.9	-20.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	108,628 (4.5)	46.5	16.5	11.2	-4.5	10.5	15.8	1.4	1.4	1.4	5.5	13.8	25.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	296,177 (12.2)	38.9	20.1	16.0	67.9	6.6	8.7	1.3	1.2	1.8	4.4	13.5	102.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	25,534 (1.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	4.9	7.8	10.1	43.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	30,845 (1.3)	4.6	15.4	13.4	-51.0	12.9	12.8	1.8	1.7	1.0	0.3	8.0	13.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	147,498 (6.1)	39.9	34.8	14.0	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.1	1.2	1.9	12.6	63.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	123,127 (5.1)	35.9	9.4	8.0	2.2	15.6	15.6	1.3	1.2	1.9	3.8	12.7	22.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	385,566 (15.9)	0.0	58.4	19.3	14.4	1.3	8.7	2.4	2.3	2.4	5.5	7.6	-4.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	42,258 (1.7)	0.0	15.3	13.0	2.4	18.9	19.7	2.8	2.4	0.1	0.3	4.6	-10.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,276 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	5.3	10.3	9.9	111.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	41,186 (1.7)	30.3	201.8	41.5	-75.2	2.3	14.8	-	-	0.0	2.0	4.9	69.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	13,170 (0.5)	34.6	14.7	20.0	41.2	15.1	12.0	2.0	1.9	0.0	3.4	8.3	22.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,430 (0.1)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.9	24.4	2.8	2.4	-0.3	-0.2	-1.1	22.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	188,971 (7.8)	0.0	19.1	15.5	15.5	28.1	29.6	4.9	4.2	0.2	3.6	7.3	42.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.